TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST Ngày: 27-3-2025 V/v tranh chấp "Ly hôn (Không công nhận quan hệ vợ chồng)"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Ông Cao Văn Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn (Không công nhận quan hệ vợ chồng)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978; nơi thường trú: Ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nơi ở hiện nay: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, thông qua người làm mai, có thời gian quen nhau khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới khoảng năm 1998. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống bên anh T1 rồi ra ở riêng. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, anh T1 lo làm ăn nhưng từ năm 2018, anh T1 bắt đầu cờ bạc, chơi

đánh bài rồi đánh số đề, chị khuyên nhưng anh T1 không bỏ. Ngoài ra, anh T1 còn quen với người phụ nữ khác. Tháng 01-2024, anh T1 yêu cầu chị đưa số tiền 150.000.000 đồng và hai bên làm giấy tay ly hôn, anh T1 có ký tên đồng ý. Từ tháng 9-2024 đến nay, chị và anh T1 đã sống ly thân và không có biện pháp gì để hàn gắng. Giữa chị và anh T1 không có đăng ký kết hôn, nên nay chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Thuận Ý, sinh năm 2001 hiện đã lập gia đình về sống bên chồng nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn T1 dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T1 tranh chấp về ly hôn; anh T1 cư trú tại ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Kim T thể hiện chị T và anh Nguyễn Văn T1 bắt đầu chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Lời khai này phù hợp nội dung văn bản số 240/UBND-XNTTHN ngày 24-12-2024 của Ủy ban nhân dân xã, huyện C và văn bản số 96/UBND-XNTTHN ngày 30-10-2024 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C xác nhận chị T không có đăng ký kết hôn với ai. Xét trường hợp chung sống như vợ chồng giữa chị T, anh T1 không thuộc trường hợp hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc chung sống như vợ chồng giữa chị T, anh T1 mà chưa đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đã không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và anh T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Thuận Ý,

sinh năm 2001 hiện đã thành niên, lập gia đình về sống bên chồng nên chị T không yêu cầu giải quyết là đúng quy định của luật, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002820 ngày 30-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị T đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã HX, huyện C;
- UBND xã MH, huyện C1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực